

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

#### Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú bệnh viện

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về việc việc đổi tên trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 111/NĐ-CP, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về quy định và tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ;

Căn cứ công văn số 1623/BYT-K2ĐT, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế về việc đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT, ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-YDHP, ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy định đào tạo Bác sĩ Nội trú bệnh viện;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này là bản Quy định đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú bệnh viện của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Điều 2:** Quy định này có hiệu lực kể từ năm học 2022-2023 và thay thế các quy định trước đây về đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú bệnh viện của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Điều 3:** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học, các phòng ban chúc năng, các khoa/bộ môn liên quan và học viên Bác sĩ Nội trú bệnh viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

## QUY ĐỊNH

### ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ NỘI TRÚ BỆNH VIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2816/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

## CHƯƠNG I

### MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

#### Điều 1. Mục tiêu

Đào tạo nhân lực y tế ngay sau khi tốt nghiệp đại học y, được tuyển chọn đặc biệt để trở thành bác sĩ trẻ có kiến thức vững vàng, sáng tạo, kỹ năng thực hành giỏi, năng lực làm việc độc lập trong một chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, có thể tự học vươn lên trở thành chuyên gia thuộc chuyên ngành đó.

Đào tạo BSNT chỉ áp dụng cho các chuyên ngành lâm sàng.

#### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về đào tạo sau đại học đặc thù trong lĩnh vực y tế ở trình độ Bác sĩ nội trú (BSNT) bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo; nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo, cơ sở thực hành; thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ sở đào tạo nhân lực y tế được Bộ Y tế giao nhiệm vụ đào tạo BSNT (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo BSNT); bệnh viện thực hành; các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động đào tạo trình độ BSNT.

#### Điều 3. Đối tượng đào tạo

Người đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo BSNT phải có các điều kiện sau đây:

1. Tốt nghiệp bác sĩ hệ chính quy thuộc ngành tương ứng với ngành/chuyên ngành dự thi, đạt loại khá trở lên và trong vòng 6 tháng kể từ ngày công nhận tốt nghiệp.
2. Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khoẻ).
3. Tại mỗi trường thí sinh chỉ được dự thi tuyển 01 lần
4. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
5. Có đủ sức khoẻ để học tập.

6. Người nước ngoài muốn học BSNT tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện qui định ở Điều này, được Bộ Y tế chấp nhận và tuân theo các qui định hiện hành.

#### **Điều 4. Hình thức, thời gian đào tạo**

1. Đào tạo BSNT được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy. Học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập, làm việc.
2. Thời gian đào tạo: từ 3 năm.

### **CHƯƠNG II TUYỂN SINH**

#### **Điều 5. Hồ sơ dự tuyển**

1. Đơn xin dự thi tuyển BSNT ghi rõ chuyên ngành đăng ký dự thi, môn ngoại ngữ xin dự thi;
2. Bảng điểm toàn khóa học đại học và xếp loại tốt nghiệp;
3. Bản sao hợp pháp bằng tốt nghiệp đại học và các văn bằng chứng chỉ liên quan;
4. Lý lịch có xác nhận của cơ sở đào tạo trong quá trình học đại học;
5. Bản xác nhận đối tượng ưu tiên, kèm theo bản photo các giấy tờ liên quan (nếu là đối tượng ưu tiên);
6. Các giấy tờ khác theo yêu cầu của Trường.

Đối tượng ưu tiên bao gồm:

- a) Thương binh, bệnh binh, người có thẻ chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;
- b) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
- c) Người có hộ khẩu thường trú trước khi đi học đại học tại khu vực KV1, tại những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo theo qui định hiện hành.

#### **Điều 6. Thi tuyển**

1. Tại mỗi cơ sở đào tạo BSNT, thi tuyển sinh đào tạo BSNT được tổ chức một lần/năm theo chỉ tiêu được xác định hàng năm.
2. Thi tuyển gồm các môn:
  - a) Các môn chung:  
Tất cả thí sinh đều phải thi 2 môn sau:  
+ Môn thi số 1 (Ngoại ngữ): thí sinh được chọn một trong các ngoại ngữ: Anh, Đức, Nga, Pháp, Trung. Mức độ đề thi tương đương cấp độ B1 (Phụ lục VII) của Khung Châu Âu Chung (Common European Framework – CEF) và có phần ngoại ngữ chuyên ngành;

Miễn thi môn ngoại ngữ cho những đối tượng sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh, Đức, Nga, Pháp, Trung;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh, Đức, Nga, Pháp, Trung;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (căn cứ thông tư 01/2014/BGDDT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

+ Môn thi số 2 (Cơ sở): Chọn 1 trong 4 môn Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền hoặc một đề thi gồm 4 môn học trên.

b) Các môn riêng (môn chuyên ngành):

Tùy thuộc vào ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi, thí sinh phải thi 2 môn sau:

- + Đối với Bác sĩ đa khoa:
  - Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Ngoại khoa: môn thi số 3 (chuyên ngành chính) là Ngoại khoa; môn thi số 4 là Sản Phụ khoa;
  - Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Nội khoa: môn thi số 3 (chuyên ngành chính) là Nội khoa; môn thi số 4 là Nhi khoa.
  - Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Sản Phụ khoa: môn thi số 3 (chuyên ngành chính) là Sản phụ khoa; môn thi số 4 là Ngoại khoa.
  - Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Nhi khoa: môn thi số 3 (chuyên ngành chính) là Nhi khoa; môn thi số 4 là Nội khoa.
  - Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Răng Hàm Mặt: môn thi số 3 (chuyên ngành chính) là Nha khoa; môn thi số 4 là Phẫu thuật miệng và Hàm mặt.

## Điều 7. Điều kiện trúng tuyển

### 1. Điều kiện trúng tuyển:

a) Các môn thi đều phải đạt 5 điểm trở lên; riêng môn chuyên ngành chính (chuyên ngành 1 hay môn thi số 3) phải đạt 7 điểm trở lên (thang điểm 10 sau khi đã làm tròn đến hai số thập phân). Điểm ưu tiên được tính vào tổng điểm xét tuyển.

b) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng tổng điểm các môn thi như nhau thì sẽ xét theo các tiêu chí phụ sau:

- Dựa theo điểm của môn chuyên ngành.
  - Dựa theo điểm môn ngoại ngữ (không tính vào tổng điểm)
- c) Số lượng trúng tuyển căn cứ theo chỉ tiêu đã được xác định của cơ sở đào tạo và tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên) các môn thi của từng thí sinh. Đối với một số chuyên ngành có sức thu hút thấp, tùy từng thời điểm và trường hợp cụ thể mà Hiệu trưởng cơ sở đào tạo quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Y tế.

## 2. Công nhận trúng tuyển:

- a) Sau khi có kết quả thi tuyển, Hiệu Trưởng-Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển, duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, ký Quyết định công nhận trúng tuyển;
- b) Căn cứ vào Quyết định công nhận trúng tuyển, cơ sở đào tạo gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

## CHƯƠNG III CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### **Điều 8. Cơ sở đào tạo**

Cơ sở đào tạo nhân lực y tế đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo BSNT khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã đào tạo trình độ đại học theo hình thức giáo dục chính quy ngành Y.
2. Có tối thiểu 3 giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc bác sĩ CKII cùng chuyên ngành đào tạo. Trong đó có thể có 1 giảng viên thỉnh giảng. Giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng các môn chuyên ngành gồm lý thuyết và thực hành của chương trình đào tạo.

Tên chuyên ngành đào tạo phải có trong danh mục mã số đào tạo BSNT, Trường hợp chuyên ngành đào tạo chưa có tên trong danh mục, cơ sở đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học, được Hội đồng khoa học và đào tạo của trường thông qua.

### **Điều 9. Xây dựng chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, mỗi môn học. Chương trình đào tạo đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao những kiến thức đã học ở trình độ đại học; có đủ năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học; có kỹ năng thực hành giỏi, năng lực làm việc độc lập trong một chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực.

2. Đảm bảo 90-105 tín chỉ đối với chương trình đào tạo ba năm học: số tín chỉ thực hành không ít hơn 50% thời lượng chương trình đào tạo. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

3. Chương trình đào tạo BSNT do các cơ sở đào tạo BSNT xây dựng trên cơ sở các quy định về khối lượng kiến thức, kết cấu chương trình, được quy định tại Điều 10 của Quy định này. Chương trình BSNT bao phủ toàn bộ chương trình Thạc sĩ cùng ngành/chuyên ngành đào tạo. Mỗi chương trình gắn với một chuyên ngành hay một ngành đào tạo.

## **Điều 10. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo BSNT gồm bốn phần: các môn chung, các môn cơ sở/hỗ trợ, các môn chuyên ngành, luận văn và thi tốt nghiệp.

1. Các môn chung (chiếm khoảng 5%)
  2. Các môn cơ sở và hỗ trợ: chiếm khoảng 10%.
  3. Các môn chuyên ngành (bao gồm cả môn chuyên ngành bắt buộc và tự chọn): không ít hơn 50%.
  4. Các môn tự chọn không ít hơn 15%
  5. Học phần tốt nghiệp, gồm:
    - a) Thi môn chuyên ngành: lý thuyết và thực hành
    - b) Luận văn
- Môn Ngoại ngữ: căn cứ thông tư số 01/2014/BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của BGD&ĐT, thí sinh đạt trình độ bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn thi tuyển, học viên có thể tự học nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra. Học viên đạt trình độ bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn học, miễn thi.

Chương trình chi tiết của mỗi chuyên ngành do Trường xây dựng, thông qua Hội đồng khoa học Trường, trình Bộ Y tế phê duyệt.

## **Điều 11. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

### **1. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

- a) Khoá học: Là thời gian chuẩn được thiết kế để học viên hoàn thành một chương trình cụ thể của một chuyên ngành nhất định.
- b) Năm học: Một năm học gồm 02 học kỳ chính và 01 đến 02 học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ cho học viên đăng ký học lại, học cải thiện các học phần chưa đạt ở các học kỳ chính.
- c) Học kỳ: Là thời gian để học viên hoàn thành số học phần của CTĐT. Mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và kiểm tra thường xuyên, 04 tuần thi kết thúc học phần.
- d) Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng phê duyệt phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả các hình thức, chương trình đào tạo, được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố trước khi bắt đầu năm học cho các bên liên quan.

- Một năm học có 02 học kỳ chính với tối thiểu 30 tuần lên lớp và 01 hoặc 02 học kỳ phụ.

### **3. Kế hoạch học kỳ**

a) Bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

b) Kế hoạch học kỳ được Phòng QLĐTSĐH xây dựng dựa trên kế hoạch năm học đã ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường trước khi bắt đầu học kỳ cho các bên liên quan với đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm bảo thuận tiện cho học viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

#### 4. Thời khóa biểu

a) Thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo.

b) Phòng QLĐTSĐH kết hợp với các Đơn vị phụ trách học phần xây dựng thời khóa biểu đến từng lớp học phần cụ thể về: thời gian, địa điểm, hình thức giảng, số tiết giảng mỗi buổi, tên giảng viên tham gia giảng dạy (lý thuyết, thực hành, thảo luận...) theo kế hoạch, chương trình giảng dạy và quy định của Trường.

## CHƯƠNG IV

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

#### Điều 12. Đánh giá các môn học/học phần

1. Phương pháp đào tạo BSNT được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên; coi trọng thực hành các kỹ năng nghề nghiệp, phát triển tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu.

2. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ. Học viên học tập trung toàn thời gian tại cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành, thực hiện theo kế hoạch do cơ sở đào tạo quy định.

#### 3. Lượng giá học phần:

- Các học phần không thuộc chuyên ngành chỉ có lý thuyết hoặc chỉ có thực hành: có 1 điểm thi.

- Các học phần không thuộc chuyên ngành có cả lý thuyết và thực hành: căn cứ vào tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành để tổng hợp thành 1 điểm thi.

- Các học phần thuộc chuyên ngành: có 2 điểm thi độc lập (lý thuyết và thực hành).

Điểm đạt là  $\geq 6$  điểm, riêng môn chuyên ngành điểm đạt là  $\geq 7$  điểm, theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Học viên có điểm học phần không đạt, được dự thi lần hai và phải đóng kinh phí thi lại theo quy định hiện hành. Trường hợp trên 1/3 số điểm thi không đạt hoặc có bất kỳ điểm thi lần 2 nào không đạt, học viên buộc phải thôi học BSNT và có thể chuyển sang đào tạo CKI cùng chuyên ngành nếu có nhu cầu.

4. Bệnh viện/viện thực hành đóng vai trò chính trong việc tổ chức đào tạo thực hành chuyên môn và tay nghề cho BSNT. Giảng viên mời giảng của bệnh viện thực hành kết hợp với giảng viên của Trường tổ chức giảng dạy thực hành, quản lý, lượng giá học viên. Giấy chứng nhận kết quả thực hành do Giám đốc bệnh viện thực hành cấp là một phần kết quả học phần của học viên.

### **Điều 13. Quy định công nhận và chuyển đổi tín chỉ**

1. Trường cho phép công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các đối tượng học viên được đào tạo từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo khác, chương trình đào tạo khác, khóa học khác hoặc một cơ sở đào tạo khác.

2. Hội đồng chuyên môn của Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình.

3. Trường công khai quy định về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trên Website.

4. Đối với trường hợp Bác sĩ nội trú học song song chương trình thạc sĩ điều kiện tốt nghiệp chương trình thạc sĩ căn cứ theo quy định của quy chế thạc sĩ.

### **Điều 14. Thi tốt nghiệp**

1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp: sau khi đã hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo, kết quả thi các học phần từ đạt trở lên và không đang trong thời gian chịu thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Các môn thi tốt nghiệp BSNT gồm: thi tốt nghiệp môn chuyên ngành và bảo vệ luận văn.

a) Thi tốt nghiệp môn chuyên ngành, gồm 2 phần, điểm thi độc lập:

- Phần lý thuyết thi tự luận hoặc thi trắc nghiệm

- Phần thực hành thi các kỹ thuật, thủ thuật hoặc xử lý tình huống trên lâm sàng.

b) Bảo vệ luận văn: luận văn được trình bày trước Hội đồng chấm luận văn.

3. Học viên có điểm thi tốt nghiệp môn chuyên ngành không đạt, được dự thi lại lần hai và phải đóng kinh phí thi lại theo quy định hiện hành. Sau 2 lần thi vẫn không đạt, học viên phải chuyển sang khóa đào tạo chuyên khoa cấp I cùng chuyên ngành (để nhận bằng chuyên khoa cấp I nếu đủ điều kiện) tại cơ sở đào tạo.

4. Học viên bảo vệ luận văn không đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo làm thủ tục cấp bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành đã học, nếu đủ điều kiện.

5. Hội đồng thi tốt nghiệp:

Hội đồng thi tốt nghiệp và do Hiệu trưởng quyết định thành lập; bao gồm hội đồng thi lý thuyết và hội đồng chấm thi lâm sàng.

### **Điều 15. Hướng dẫn Luận văn**

1. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn và người hướng dẫn BSNT. Mỗi luận văn BSNT có tối đa hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định cần ghi rõ người hướng dẫn chính và người hướng dẫn phụ.
2. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.
3. Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.
4. Luận văn BSNT có tối thiểu 15.000 từ (khoảng 50 trang không kể bảng, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo).
5. Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi: thi tốt nghiệp môn chuyên ngành đạt yêu cầu ( $\geq 7$  điểm), không vi phạm đạo đức nghiên cứu, không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn, không vi phạm quyền tác giả.
6. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn:
  - a) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư, bằng tiến sĩ khoa học, hoặc có bằng CKII hoặc có bằng tiến sĩ trong cùng chuyên ngành;
  - b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;
  - c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;
  - d) Những người không phải là cán bộ cơ hữu của Nhà trường, chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, nếu lần đầu tham gia hướng dẫn khoa học sẽ đảm nhiệm vị trí hướng dẫn thứ 2.
  - e) Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 5 học viên; trường hợp đồng hướng dẫn 2 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 1 học viên.

### **Điều 16. Đánh giá luận văn**

1. Luận văn BSNT được đánh giá công khai tại Hội đồng đánh giá luận văn.
2. Hội đồng đánh giá luận văn có 5 thành viên, gồm: Chủ tịch, Thư ký, 2 phản biện (trong đó có ít nhất 1 ủy viên phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo

) và 1 ủy viên. Thành viên hội đồng bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, trong đó có ít nhất 3 thành viên là giảng viên cơ hữu.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận văn:

a) Phải có bằng tiến sĩ hoặc có bằng CKII hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài luận văn, không có quan hệ ruột thịt như: cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với học viên.

b) Người phản biện phải là người am hiểu lĩnh vực liên quan đến đề tài luận văn. Người phản biện không được là đồng tác giả với người bảo vệ trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận văn (nếu có).

d) Người hướng dẫn có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên nhưng không được đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của học viên không tham gia Hội đồng.

4. Các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các nhận xét, đánh giá của mình về luận văn.

5. Buổi bảo vệ luận văn được tổ chức khi ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại trường.

6. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên Hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba.

8. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn luận văn (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

9. Không tiến hành bảo vệ luận văn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

Học viên không đủ sức khoẻ trong thời điểm bảo vệ;

Vắng mặt chủ tịch Hội đồng hoặc thư ký Hội đồng;

Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn;

Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

10. Thang điểm đánh giá luận :

Các thành viên cho theo thang điểm 10, được lẻ đến 0,25 điểm. Kết luận hội đồng theo phiếu điểm sau:

Điểm trung bình chấm cho luận văn được xếp ở mức:

Không đạt (<5,5 đ)

Trung bình (5,5-6,99đ)

Khá (7-8,99 đ)

Giỏi (9-9,49đ)

Xuất sắc ( $\geq 9,5$ đ)

Kết luận hội đồng “Luận văn Đạt yêu cầu” nếu điểm trung bình trên 5,5 điểm và “Không Đạt yêu cầu” nếu điểm trung bình dưới 5,5 điểm và học viên sẽ phải bảo vệ lại.

11. Sau khi bảo vệ luận văn đạt yêu cầu, học viên sửa chữa luận văn theo yêu cầu của Hội đồng chấm, có xác nhận của thầy hướng dẫn. Nộp 1 đĩa CD (file mềm) ghi toàn bộ luận văn và 01 cuốn về thư viện; Nộp 1 đĩa CD (file mềm) ghi toàn bộ luận văn và 01 cuốn về Phòng đào tạo Sau đại học.

Học viên hoàn tất các thủ tục trước khi nhận quyết định trả về cơ quan công tác khi sửa xong và nộp luận văn theo các yêu cầu quy định (chậm nhất 30 ngày sau khi bảo vệ luận văn).

12. Trường hợp học viên bảo vệ luận văn không đạt yêu cầu được sửa chữa để bảo vệ lần thứ hai thì học viên phải tự túc kinh phí bảo vệ.

13. Những trường hợp học viên bảo vệ không đúng kế hoạch đã ấn định phải làm đơn xin hoãn, có xác nhận của thầy hướng dẫn và Nhà trường, gửi trước ngày bảo vệ theo lịch ít nhất 15 ngày. Những trường hợp bảo vệ ngoài thời gian đã quy định cho khoá học, học viên phải tự túc hoàn toàn kinh phí tổ chức bảo vệ theo quy định của Nhà trường.

14. Những trường hợp không hoàn thành luận văn đúng thời hạn để bảo vệ, học viên phải làm đơn xin kéo dài thời hạn đến kỳ bảo vệ lại của khoá (nếu có) và phải đóng kinh phí do quá hạn theo quy định của Nhà trường.

15. Thủ tục đổi tên đề tài luận văn:

+ Điều kiện: Thời gian ra quyết định đổi đề tài luận văn trong vòng 2 tháng sau ngày bảo vệ đề cương lần 1, tính từ ngày quyết định công nhận học viên và đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định

+ Khoa/ Bộ môn nộp cho phòng QLĐT Sau đại học:

- Học viên viết đơn trình bày rõ lý do xin đổi tên đề tài (căn cứ vào biên bản duyệt đề cương).

- Cán bộ hướng dẫn viết đề nghị gửi Hiệu trưởng trình bày lý do.

- Khoa/ Bộ môn có văn bản chấp thuận và đề nghị Hiệu trưởng cho học viên được đổi đề tài luận văn. Kèm theo danh sách đề nghị thành lập Hội đồng duyệt đề cương đổi đề tài.

- 1 quyền đề cương đề tài mới có xác nhận của cán bộ hướng dẫn và Khoa/ Bộ môn.

+ Phòng QLĐT Sau đại học trình Hiệu trưởng xin thành lập Hội đồng duyệt đề cương đổi đề tài.

+ Trong vòng 1 tháng sau khi có quyết định thành lập Hội đồng, Khoa/ Bộ môn sắp xếp thông báo lịch cho phòng QLĐT SĐH và tổ chức họp Hội đồng duyệt đề cương đổi đề tài luận văn cho học viên. Nộp phòng Sau đại học biên bản duyệt đề cương và quyền đề cương đề tài hoàn thiện có xác nhận của cán bộ hướng dẫn và Bộ môn.

+ Phòng Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định đổi đề tài cho học viên.

## **Điều 17. Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng tốt nghiệp**

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo theo qui định;

b) Kết quả thi các học phần đạt yêu cầu;

c) Thi tốt nghiệp chuyên ngành ≥ 7 điểm;

d) Bảo vệ luận văn đạt;

đ) Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Học viên đủ điều kiện tốt nghiệp được cơ sở đào tạo cấp bằng điểm (phụ lục IV). Bảng điểm liệt kê đầy đủ tên các học phần, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm thi tốt nghiệp chuyên ngành (lần 1 và lần 2, nếu có); tên luận văn và kết quả đánh giá luận văn.

3. Học viên đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp hai bằng: bằng BSNT và bằng Bác sĩ CKI chuyên ngành đào tạo. PhygDhôi bằng tốt nghiệp BSNT và BSCKI do Bộ Y tế thống nhất ban hành (phụ lục VI) và quản lý.

## **Điều 18. Chế độ báo cáo, lưu trữ**

1. Sau mỗi kỳ thi tuyển sinh, các cơ sở đào tạo có trách nhiệm báo cáo Bộ Y tế về tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh (Phụ lục II), Quyết định kèm theo danh sách trúng tuyển.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu. Cơ sở đào tạo BSNT có trách nhiệm báo cáo Bộ Y tế: số lượng học viên, các vướng mắc và đề xuất, đăng ký chỉ tiêu đào tạo năm sau cho từng chuyên ngành đào tạo (Phụ lục III)

3. Hồ sơ học viên, tài liệu liên quan đến đào tạo BSNT phải được lưu trữ theo quy định hiện hành của công tác lưu trữ.

## CHƯƠNG V TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA HỌC VIÊN

### **Điều 19. Trách nhiệm của học viên**

- a) Thực hiện kế hoạch học tập, chương trình học tập và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo; Học viên phải thường trú tại bệnh viện/viện để học tập và làm việc trừ thời gian học lý thuyết;
- b) Trong quá trình học tập học viên phải tham gia vào các hoạt động chuyên môn tại bệnh viện/viện thực hành, nghiên cứu khoa học, trợ giảng, hướng dẫn học sinh/sinh viên thực tập theo sự phân công;
- c) Trung thực, tuân thủ y đức trong học tập và nghiên cứu khoa học;
- d) Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên; giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường và bệnh viện thực hành;
- đ) Chấp hành pháp luật của Nhà nước, nội quy của cơ sở đào tạo.

### **Điều 20. Quyền của học viên**

- a) Được trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về học tập của mình;
- b) Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, tham gia thăm khám và điều trị người bệnh tại trường và bệnh viện/viện thực hành theo thẩm quyền, dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành;
- c) Được hưởng một số ưu đãi trong thời gian học tập theo qui định, được bố trí chỗ ở nội trú tại bệnh viện/viện thực hành;
- d) Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo;
- e) Thời gian học BSNT được coi là thời gian thực hành nghề nghiệp trước hành nghề theo Luật khám bệnh chữa bệnh;
- g) Kết quả học tập được sử dụng cho việc tuyển dụng, dự thi nâng ngạch/bậc, đề bạt, bổ nhiệm theo qui định hiện hành;
- h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập, thôi học**

#### 1. Nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập

- Học viên nghỉ học thời gian liên tục tối thiểu 1 học kỳ chính phải viết đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập nộp về Phòng QLĐTSĐH. Học viên được bảo lưu tối đa 12 tháng. Chỉ được bảo lưu 1 lần trong CTĐT

Học viên được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Tham gia khóa học chuyên ngành hoặc khóa học hỗ trợ tại cơ sở đào tạo khác (trong và ngoài nước) và được Hiệu trưởng đồng ý;

d) Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khoẻ mẹ và con.

e) Nhu cầu cá nhân. Trường hợp này học viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và không bị rơi vào các trường hợp bị cảnh báo kết quả học tập hay bị buộc thôi học.

f) Thủ tục xin phép nghỉ học, bảo lưu kết quả học tập

- Học viên xin phép nghỉ học phải có giấy xin phép gửi về cho Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và Phòng QLĐTSĐH trước khi nghỉ học. Đối với trường hợp học viên nghỉ học với lý do đột xuất phải nộp giấy xin phép về cho Đơn vị phụ trách học phần và Phòng QLĐTSĐH chậm nhất 02 ngày sau khi nghỉ.

- Học viên xin bảo lưu kết quả học tập phải có:

- Đơn xin bảo lưu kết quả học tập với lí do bảo lưu minh chứng kèm theo (nếu có: giấy chứng sinh, giấy chứng nhận cơ sở khám bệnh, giấy điền động nhập ngũ..)

- Xác nhận của Khoa đồng ý cho học viên bảo lưu/thôi học vào đơn học viên.

Biên lai hoặc xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thời gian học tập tại trường.

Thời gian nghỉ học tạm thời không quá 12 tháng (trường hợp tham gia khóa học chuyên ngành tại nước ngoài có thể đến 24 tháng). Khi trở lại học tiếp học viên phải viết đơn và được Hiệu trưởng đồng ý, được sắp xếp học cùng với khóa sau.

Học viên dự thi và trúng tuyển tại cơ sở đào tạo này, không được chuyển đến học và nhận bằng tốt nghiệp BSNT tại cơ sở khác.

Học viên không hoàn thành khóa học, phải hoàn lại kinh phí đào tạo do nhà trường cấp.

## 2. Thôi học

a) Học viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những học viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

b) Học viên có đơn xin thôi học, không nợ học phí, không nợ sách mượn của thư viện và các khoản kinh phí bắt buộc phải hoàn thành với Trường sẽ được bảo lưu kết quả trong thời gian học tập tại Trường.

c) Học viên tự ý bỏ học quá thời gian quy định sẽ bị hủy kết quả học tập trong thời gian học tập tại Trường.

## **Điều 22. Xử lý vi phạm đối với học viên**

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế học sinh - sinh viên của Trường ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.
2. Học viên học hộ, thi hộ hoặc nhờ người học hộ, thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.
4. Những trường hợp vi phạm khác sẽ áp dụng xử lý theo Quy chế học sinh - học viên của Trường.

## **CHƯƠNG VI NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA GIẢNG VIÊN**

### **Điều 23. Nhiệm vụ của giảng viên**

- a) Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập cho học viên theo mục tiêu, chương trình và kế hoạch đào tạo được phân công;
- b) Thường xuyên cập nhật kiến thức, cải tiến phương pháp giảng dạy, tư vấn giúp đỡ học viên trong học tập, thực hành và nghiên cứu khoa học;
- c) Tham gia quản lý trong quá trình học tập, thực hành;
- d) Đảm bảo khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và lượng giá học viên;
- đ) Tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành theo kế hoạch được phân công.
- e) Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 5 học viên; trường hợp đồng hướng dẫn 2 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 1 học viên.

### **Điều 24. Quyền của giảng viên**

- a) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;
- b) Được hưởng các chế độ phụ cấp khi tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định;
- c) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác;
- d) Được tính giờ giảng và hưởng chế độ giờ giảng theo quy định hiện hành.

## CHƯƠNG VII

### TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### **Điều 25. Trách nhiệm của Trường**

1. Xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho từng chuyên ngành đào tạo.
2. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy các chuyên ngành đào tạo được giao.
3. Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Tại một thời điểm, tỷ lệ học viên BSNT các khóa cùng chuyên ngành so với giảng viên qui đổi chuyên ngành (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), tối đa là 3:1. Chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của cơ sở đào tạo phải được Bộ Y tế chấp thuận bằng văn bản.
4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định.
5. Tổ chức và quản lý đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Tạo điều kiện để học viên được thực tập/nghiên cứu khoa học/tham gia hội nghị khoa học trong và ngoài cơ sở đào tạo.
6. Quyết định Hội đồng tuyển sinh, công nhận trúng tuyển, đề tài nghiên cứu và người hướng dẫn của từng học viên, xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo, Hội đồng tốt nghiệp, Hội đồng đánh giá luận văn, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp và bảng điểm cho học viên.
7. Quản lý kinh phí và các nguồn lực khác trong đào tạo theo quy định.
8. Công bố các văn bản quy định về đào tạo; về chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; về kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chuyên ngành đã được giao; về danh sách học viên trúng tuyển, danh sách học viên tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử (Website) của cơ sở đào tạo.
9. Phối hợp với cơ sở thực hành xây dựng, thống nhất và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy/học thực hành cho từng năm học.
10. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ.

  
**HIỆU TRƯỞNG**



  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải